TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 790 /2017/DS-PT
Ngày: 05/9/2017
Vv "Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ và Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các thẩm phán:
1/ Bà Đặng Huyền Phương
2/ Ông Lưu Ngọc Thạch

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Phục - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2017 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2016/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ và đòi lại tài sản".

Do bản án số 221/2016/DS-ST ngày 05/08/2016 của Toà án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1724/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 08 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đào D, Sinh năm:1937
Địa chỉ: NTL, Phường MB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1960 (Có mặt)
Địa chỉ: MĐC, Phường B, thành phố VT, tỉnh BRVT.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Nguyễn Quốc C – Văn phòng luật sư Khang Việt, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phan Thế H, Sinh năm: 1969
Địa chỉ: GD, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân L, sinh năm 1953 (Có mặt)
Địa chỉ: PHI, Phường MN, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người kháng cáo: Bị đơn – Ông Phan Thế H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23/9/2015 và các biên bản làm việc tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 15/12/2011, bà Đào D và ông Phan Thế H có

ký Bản thỏa thuận, nội dung: Ông H nhận thực hiện dịch vụ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số NTL, Phường MB, quận BT, TP. HCM cho bà Đào D. Thời gian thực hiện là 60 ngày, phí dịch vụ là 500.000.000 đồng và số tiền để đóng thuế cho nhà nước là 1.800.000.000 đồng. Ngay sau khi ký Biên bản thỏa thuận thì bà Đào D đã giao cho ông H số tiền là 212.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện công việc, ông H có trình bày với bà D số tiền sử dụng đất mà bà D phải đóng cho Nhà nước để được cấp giấy chứng nhận là 1.626.300.000 đồng, vì vậy ngày 15/02/2012 bà D đã chuyển cho ông H số tiền này. Đến ngày 05/4/2012 theo yêu cầu của ông H, bà D tiếp tục giao số tiền phí dịch vụ còn lại là 288.000.000 đồng để ông H thực hiện công việc.

Tuy nhiên, sau khi nhận những số tiền trên thì ông H không thông báo gì cho bà D biết tiến trình thực hiện công việc và không liên lạc gì với bà D. Sau nhiều lần cố gắng tìm kiếm và liên lạc với ông H, vào ngày 21/02/2013 ông H đã viết Giấy cam kết đến ngày 20/5/2013 sẽ hoàn tất công việc và bà D sẽ được cấp giấy chứng nhận cho căn nhà và quyền sử dụng đất nêu trên, ông H cam kết căn nhà và quyền sử dụng đất này sẽ được cấp Giấy chứng nhận và là tài sản của riêng bà Đào D, bà D sẽ được quyền định đoạt mà không thuộc Tịnh xá An Bình do Giáo hội Phật giáo quản lý, nếu sai ông sẽ đền bù mọi thiệt hại cho bà D. Đến tháng 4/2013, ông H giao cho bà D Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT20973 do UBND TP. HCM cấp ngày 05/4/2013 cho Tịnh xá Ân Bình. Bà D không có bất kỳ quyền sở hữu nào đối với căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ trên. Bà D không đồng ý việc cấp giấy chứng nhận với nội dung nêu trên nên ngày 09/7/2013, ông H đã viết thêm một bản cam kết sẽ thực hiện việc chỉnh sửa, bổ sung Giấy chứng nhận theo đúng nội dung hai bên đã thỏa thuận và ông H đã cam kết trước đó. Tuy nhiên cho đến nay, ông H không thực hiện đúng cam kết của mình. Sau đó, bà D có hỏi thăm nhiều người thì được biết, trường hợp Giấy chứng nhận được cấp trên không phải đóng tiền sử dụng đất như ông H yêu cầu (1.626.300.000 đồng). Bà D đã nhiều lần yêu cầu ông H cho xem chứng từ đóng tiền nhưng ông H đều từ chối. Như vậy, ông H đã cố tình chiếm đoạt số tiền này làm tài sản riêng. Bà D cũng rất nhiều lần liên lạc với ông H yêu cầu trả lại số tiền đã nhận nhưng ông H vẫn cố tình không trả.

Nguyên đơn nhận thấy ông Phan Thế H đã thực hiện sai cam kết của mình. Do đó, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Thế H có trách nhiệm trả lại số tiền 2.126.300.000 đồng (Bao gồm 500.000.000 đồng tiền phí dịch vụ; 1.626.300.000 đồng tiền thuế đất) mà ông H đã nhận, thanh toán trong thời hạn 30 ngày, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn: Ông H vắng mặt.

Bản án sơ thẩm tuyên xử : - Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 5 Điều 177, Điều

179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256, Điều 388, Điều 389, Điều 518, khoản 1 Điều 522 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào D.

Buộc ông Phan Thế H có trách nhiệm thanh toán cho bà Đào D số tiền là 2.126.300.000 đồng (theo Bản thỏa thuận ngày 15/12/2011 về việc giao nhận việc hợp thức hóa nhà và đất tại 327/13A Nơ Trang Long, P. 13, Q. Bình Thạnh; Biên nhận tiền ngày 15/02/2012).

Thời hạn thanh toán: 30 ngày, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu người phải thi hành không thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền 74.526.000 đồng do ông Phan Thế H chịu. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 37.263.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004707 ngày 26/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình cho bà Đào D.

3. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 8 năm 2016 ông Phan Thế H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện của ông H trình bày :

Đối với tranh chấp về hợp đồng dịch vụ, đề nghị Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện vì tại cam kết ngày 09/07/2013 có nội dung *"...hạn chót là ngày 06/8/2013..."* như vậy quyền lợi của bà Đào D bị xâm phạm vào ngày 07/8/2013 tuy nhiên đến tháng 09 năm 2013 nguyên đơn mới khởi kiện là đã hết thời hiệu, do đó đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với quan hệ tranh chấp này.

Về kháng cáo đối với số tiền nộp thuế, sau khi cấp phúc thẩm xác minh về việc nộp thuế thì kết quả là ông H không nộp tiền thuế nên bị đơn xin rút yêu cầu kháng cáo về số tiền thuế phải trả cho bà D, chấp nhận hoàn trả cho bà D số tiền 1.626.000.000 đồng.

Phía nguyên đơn và luật sư bảo vệ quyền lợi trình bày:

Về phần rút kháng cáo, nguyên đơn không có ý kiến.

Đối với thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ, căn cứ vào các cam kết của ông H thì ông H cam kết trả lại tiền cho bà D tức đã thừa nhận

nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch dân sự nên quan hệ tranh chấp chuyển thành đòi lại tài sản, căn cứ vào Điểm a Khoản 3 Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung 2011 thì không áp dụng thời hiệu. Thêm vào đó, giữa hai bên đã nhiều lần thỏa thuận thương lượng việc kéo dài thời gian thực hiện, do đó tính đến khi bà D khởi kiện, thời hiệu khởi kiện vẫn còn trong hạn luật định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm :

Về thủ tục tố tụng :

Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo :

Đại diện bị đơn xác định rút kháng cáo đối với phần quyết định buộc bị đơn phải hoàn trả cho bà Đào D số tiền thuế đã nhận là 1.626.300.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị đơn, căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần này, giữ nguyên án sơ thẩm về việc buộc ông H phải hoàn lại số tiền thuế 1.626.000.000 đ.

Đối với tranh chấp hợp đồng dịch vụ : Căn cứ quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành bộ luật tố tụng dân sự đối với các tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động phát sinh trước ngày 01/01/2017 thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết là không đúng quy định nên phải hủy và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Bởi các lẽ trên, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 289 ; Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 :

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ;

- Hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bị đơn phải hoàn trả cho bà Đào D số tiền thực hiện dịch vụ 500.000.000 đồng ;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo không chấp nhận trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.626.300.000 đồng ;

- Giữ nguyên phần quyết định sơ thẩm : Buộc bị đơn Phan Thế H chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Đào D số tiền 1.626.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo : Ngày 05/08/2016 Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử và tuyên bản án dân sự sơ thẩm số 221/2016/DS-ST. Ngày 16/8/2016 Tòa án niêm yết bản án cho ông Phan Thế H. Ngày 22/8/2016 Tòa án nhân dân quận Tân Phú nhận được đơn kháng cáo của ông Phan Thế H. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, kháng cáo còn trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Nội dung kháng cáo

Đối với yêu cầu kháng cáo không chấp nhận trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.626.300.000 đồng :

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn rút kháng cáo đối với phần yêu cầu kháng cáo này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của phía bị đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần này, giữ nguyên án sơ thẩm đối với việc buộc bị đơn hoàn trả lại số tiền 1.626.000.000 đồng cho bà Đào D.

Đối với tranh chấp hợp đồng dịch vụ:

Xét thấy tại bản thỏa thuận ngày 15/12/2011 bản cam kết ngày 9/7/2013 hai bên thỏa thuận thời hạn hoàn tất hợp đồng là ngày 06/8/2013 và sau đó hai bên xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên đến ngày 23/9/2015 phía bà Đào D mới khởi kiện là hết thời hiệu. Cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết yêu cầu này là vi phạm quy định tại Điều 159 và Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi bổ sung 2011. Do đó cần hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết về phần này.

[3] Án phí sơ thẩm:

Do hủy một phần án sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm của bị đơn được tính lại trên số tiền 1.626.300.000 đ như sau:

36.000.000 đ + (826.300.000 đ x 3%) = 60.789.000đ.

Hoàn lại cho bà Đào Dung số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Đào D đã nộp.

[4] Án phí phúc thẩm

Do hủy một phần án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Phan Thế H 200.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông H đã nộp.

Căn cứ những nhận định trên,

Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 289; Khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn- ông Phan Thế H;

- Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với tranh chấp hợp đồng dịch vụ;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo không chấp nhận trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.626.300.000 đồng. Giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung đòi tài sản.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào D.

Buộc ông Phan Thế H phải trả cho bà Đào D số tiền là 1.626.300.000 (Một tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn) đồng.

Thời hạn thanh toán: 30 ngày, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được tính theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Thế H phải nộp 60.789.000 (Sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi chín ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 37.263.000 (Ba mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn) đồng cho bà Đào D theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0004707 ngày 26/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Thế H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Phan Thế H 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0025215 ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

4. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Dương Tuấn Vinh